TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **198**/2020/DS-ST
Ngày: 20/7/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện kiểm sát nhân dân quận T: Không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 529/2019/DSST ngày 20 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2020/QĐXX-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TC;
Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R - số 9, đường B, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H; Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà C - số 20, đường C, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*
(Văn bản ủy quyền số 936/UQTA-VH.19 ngày 21 tháng 10 năm 2019)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1983; *(Vắng mặt)*
Hộ khẩu thường trú: số 87/22/5, đường Trần Quang Cơ, phường Phú Thạnh, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: số 9, đường Trần Quang Cơ, phường Phú Thạnh, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/10/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận T, bà Phạm Thị H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/10/2015 bà Nguyễn Thị Tuyết N có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20151012-500000-0520 với Công ty TC (sau đây gọi tắt là Công ty TC) để vay số tiền 22.695.475 đồng *(Hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).* Lãi suất thỏa thuận 2.5%/tháng. Mục đích: Vay tiêu dùng cá nhân.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền 32.521.000 đồng (trong đó nợ gốc là 22.695.475 đồng và lãi là 9.825.525 đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng (29 tháng đầu mỗi tháng trả 1.085.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.056.000 đồng). Thanh toán vào ngày 19 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 19/11/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Công ty TC với tổng số tiền là 16.275.000 đồng, còn nợ lại 16.246.000 đồng (trong đó nợ gốc là 13.413.683 đồng và lãi là 2.832.317 đồng). Kể từ ngày 23/6/2017 bà N không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Công ty TC đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Do bà N trễ hạn thanh toán nên Công ty TC khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N thanh lý hợp đồng, trả một lần cho Công ty TC toàn bộ số tiền 16.246.000 đồng (trong đó nợ gốc là 13.413.683 đồng và lãi là 2.832.317 đồng).

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực nếu bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tại Bản tự khai ngày 05/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N thể hiện:

Bà N xác nhận việc ký kết Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20151012-500000-0520 ngày 12/10/2015 với Công ty TC để vay số tiền 22.695.475 đồng và đã trả góp được một thời gian. Hiện nay bà N xác nhận còn nợ số tiền 16.246.000 đồng, xin được trả góp cho Công ty TC mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà N trình bày hiện đang ở nhà thuê, con còn nhỏ, việc làm không ổn định nên không có khả năng thanh toán hết một lần cho nguyên đơn như yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân quận T đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 11/3/2020 và 12/6/2020 để các đương sự giải quyết tranh chấp nhưng không thành. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay:

- Bà Phạm Thị H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TC có đơn xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TC và Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20151012-500000-0520 ngày 12/10/2015. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận T tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Công ty TC và bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N.

2. Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu thanh toán số tiền 16.246.000 đồng (trong đó nợ gốc là 13.413.683 đồng và lãi là 2.832.317 đồng).

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20151012-500000-0520 ngày 12/10/2015 bà N đã ký với Công ty TC thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự.

Công ty TC và bà N đã thỏa thuận về việc cho vay số tiền 22.695.475 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TC số tiền 32.521.000 đồng (trong đó nợ gốc là 22.695.475 đồng và lãi là 9.825.525 đồng). Bà N xác nhận việc ký hợp đồng vay tiền, đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Công ty TC với 16.275.000 đồng, còn nợ lại 16.246.000 đồng (trong đó nợ gốc là 13.413.683 đồng và lãi là 2.832.317 đồng) đúng như nguyên đơn trình bày. Trong việc thực hiện hợp đồng trên, bà N là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng nên Công ty TC yêu cầu bà N thanh toán số tiền 16.246.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Bà N yêu cầu được trả góp mỗi tháng 500.000 đồng nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Công ty TC yêu cầu bà N thanh toán số tiền 16.246.000 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên.

Xét hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TC yêu cầu bà N phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TC.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TC số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20151012-500000-0520 ngày 12/10/2015, tính đến ngày 20/7/2020 là 16.246.000 đồng (trong đó nợ gốc là 13.413.683 đồng và lãi là 2.832.317 đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu số tiền 812.300 đồng *(Tám trăm mười hai ngàn ba trăm đồng)*.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 406.150 đồng *(Bốn trăm lẻ sáu ngàn một trăm năm mươi đồng)* theo Biên lai thu số 0020179 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận T cho Công ty TC.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Công ty TC và bà Nguyễn Thị Tuyết N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân

dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Trang